

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO YÊN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày 27 tháng 01 năm 2022

(V/v L hôn, tranh chấp nuôi con
khi L hôn)

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Đại.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Dung;
2. Bà Hoàng Thị Mỹ.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Quốc Vương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trịnh - Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai, Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2021/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2021 về việc: “L hôn, tranh chấp nuôi con khi L hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh L Văn S - Sinh năm 1982;

Trú tại: Bản TK, xã Vĩnh Yên, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Giàng Thị C - Sinh năm 1985;

Trú tại: Bản TK, xã Vĩnh Yên, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt lần 2 - không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tự khai và lời trình bày của anh L Văn S có nội dung như sau:

Anh S và chị Giàng Thị C tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 9 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Yên, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Sau khi đăng ký kết hôn chị anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2012 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị C thay đổi tính cách thường xuyên cáu gắt những chuyện nhỏ trong gia đình, cuộc sống vợ chồng tẻ nhạt không ai nói chuyện với ai dẫn đến anh S và chị C không có tiếng nói chung. Sự việc đã được 2 bên gia đình hòa giải nhưng quan hệ giữa anh chị không cải thiện được. Không thể tiếp tục chung sống anh S nộp đơn khởi kiện yêu cầu được L hôn chị C và giải quyết việc nuôi con chung.

Về con chung anh S và chị C có 03 con chung.

1. Cháu L Thị P, sinh ngày 19 tháng 09 năm 2001;
2. Cháu L Thị L, sinh ngày 22 tháng 4 năm 2006;
3. Cháu L Chiến T, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2008.

Hiện nay các cháu phát triển khỏe mạnh bình thường. Sau khi L hôn anh S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L Thị L và cháu L Chiến T, không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, cháu P đã đủ 18 tuổi và phát triển khỏe mạnh bình thường nên anh S không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập chị Giàng Thị C đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án nhưng Chị C không có mặt tại địa phương. Vì vậy Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ và tiến hành các hoạt động theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt anh S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên: Quá trình giải quyết vụ án, các thủ tục tố tụng được tiến hành đầy đủ, đúng quy định. Thẩm phán,

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định, bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 228, 238 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu L hôn của anh L Văn S.

Về con chung: Giao cháu L Thị L, sinh ngày 22 tháng 4 năm 2006 và cháu L Chiến T, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2008 cho anh L Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Giàng Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết không đề cập giải quyết.

Về án phí nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Anh L Văn S kiện yêu cầu L hôn với chị Giàng Thị C, chị C cư trú tại huyện Bảo Yên. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên được quy định tại các Điều 28; 35 và 39 bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh S và chị C đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Yên, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Vì vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh S và chị C không có tiếng nói chung, hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng. Sự việc đã được hai bên gia đình hai hòa giải nhưng anh, chị không khắc phục được. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập được chứng cứ về mâu thuẫn giữa vợ chồng nay anh chị đã L thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Vì vậy có thể khẳng định mục đích của hôn nhân giữa anh S và chị C không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu L hôn của anh S là phù hợp.

Về con chung: Sau khi L hôn, anh L Văn S có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu L Thị L và cháu L Chiến T, không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu L Thị P đã đủ 18 tuổi và phát triển khỏe mạnh bình thường nên anh S không đề nghị Tòa án giải quyết. Tại biên bản lấy ý kiến cháu L Chiến T có nguyện

vọng được sống cùng anh S sau khi anh chị L hôn. Đối với cháu L Thị L, Tòa án không thể tiến hành lấy ý kiến thông qua xác minh tại thôn bản xác định được cháu L đã bỏ nhà đi đâu không rõ địa chỉ hiện nay cháu đang ở đâu. Trong quá trình giải quyết vụ án anh S đã cung cấp 01 Giấy xác nhận về thu nhập hàng tháng của anh S có mức thu nhập 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng/01 tháng. Anh S có đủ điều kiện nuôi con đồng thời anh S không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị C không có mặt tại địa phương. Cháu L Thị L cũng không có mặt tại địa phương tuy nhiên vẫn cần giao trách nhiệm nuôi dưỡng cháu L cho anh S để đảm bảo quyền lợi cho cháu L. Vì vậy cần giao cháu L Thị L, sinh ngày 22 tháng 4 năm 2006 và cháu L Chiến T, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2008 cho anh L Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Giàng Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, 56, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí của Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho anh L Văn S được L hôn với chị Giàng Thị C.

2. Về con chung:

Giao cháu L Thị L, sinh ngày 22 tháng 4 năm 2006 và cháu L Chiến T, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2008 cho anh L Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Giàng Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị C có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Anh L Văn S phải chịu tiền án phí L hôn 300.000đ nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số 0003360 ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Yên;
- Lưu: Hsơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Quang Đại

